

Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 30/12/2019

Môn: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KD

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đáp án – Thang điểm gồm 03 trang)

| Câu | Phần   | Nội dung  | Điểm  |  |                   |             |
|-----|--|---|---|--|-------------------|-------------|
| 1   |  | - Tiêu chuẩn so sánh:<br>Số kỳ gốc (doanh thu năm N-1) là 8.000.000.000 đồng.   | 0,25  |  |                   |             |
|     |  | - Điều kiện so sánh:<br>+ Cùng nội dung kinh tế: Doanh thu<br>+ Cùng đơn vị tính: đồng<br>+ Cùng phương pháp tính: nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. | 0,75  |  |                   |             |
|     |  | - Kỹ thuật so sánh:<br>+ So sánh bằng số tuyệt đối:<br>8.200.000.000 - 8.000.000.000 = 200.000.000 đồng   | 0,75  |  |                   |             |
|     |  | + So sánh bằng số tương đối:<br>(8.200.000.000/ 8.000.000.000) x 100 = 102,5%   | 0,75  |  |                   |             |
|     | <b>Tổng cộng</b>   |   |   | <b>2,5đ</b>  |                   |             |
| 2   | <b>* Tổng giá thành đơn vị (ĐVT đồng)</b>  |   |   |  |                   |             |
|     |  | <b>Loại sản phẩm</b>  | <b>Tổng giá thành KH theo sản lượng TT (<math>Q_1 Z_0</math>)</b> | <b>Tổng giá thành thực tế (<math>Q_1 Z_1</math>)</b> | <b>Chênh lệch</b> |             |
|     |  |   |   | <b>Mức</b>   | <b>Tỷ lệ</b>      |             |
|     |  | <b>SP so sánh được</b>  |   |  |                   |             |
|     |  | A   | 68.400.000  | 73.720.000   | +5.320.000        | 7,7%        |
|     |  | B   | 326.400.000   | 319.600.000  | -6.800.000        | -2,08       |
|     |  | C   | 23.040.000  | 21.600.000   | -1.440.000        | -6,25       |
|     |  | <i>Cộng</i>   | <i>417.840.000</i>  | <i>414.920.000</i>                                   | <i>-2.920.000</i> | <i>-0,7</i> |
|     |  | <b>SP kg SS được</b>  |   |  |                   |             |
|     |  | D   | 8.000.000   | 8.400.000  | +400.000          | 5%          |
|     | <i>Tổng cộng</i>   | <i>425.840.000</i>  | <i>423.320.000</i>  | <i>-2.520.000</i>                                    | <i>-0,59</i>      |             |
|     | <b>Nhận xét:</b><br>Tổng giá thành của toàn bộ sản phẩm thực tế so với kế hoạch giảm 2.520 ngàn đồng, tỷ lệ giảm 0,59%<br>- SP so sánh được: Tổng giá thành thực tế so với kế hoạch giảm 2.920 ngàn đồng, tỷ lệ giảm là 0,7% là do sản phẩm B và C có tổng giá thành giảm khá nhiều (.....), Ngược lại tổng giá thành sản phẩm |   |   |  |                   |             |

| Câu | Phân | Nội dung   | Điểm        |
|-----|------|--|-------------|
|     |      | <p>A tăng 5.320 ngàn đồng, tỷ lệ tăng 7,7%. Như vậy, DN cần tập trung nghiên cứu các khoản mục giá thành sp A để tìm ra nguyên nhân làm tăng giá thành SP A để tìm ra nguyên nhân làm tăng giá thành mà có biện pháp khắc phục kịp thời SP B,</p> <p>- SP không so sánh được: chỉ có sp D mới SX kỳ này và khối lượng SX cũng ít, có tính chất thăm dò nhưng giá thành thực tế lại cao hơn giá thành kế hoạch đề ra. Nên tìm hiểu nguyên nhân để có biện pháp giảm giá thành ngay.</p>   | 1,5         |
|     |      | <b>Tổng cộng</b>   | <b>3.0đ</b> |
| 3   |      | <p>Ta có: Đvt: 1.000 đồng</p> <p><math>Q_0 \times Z_0 = 10.000 \times 120 = 1.200.000</math></p> <p><math>Q_0 \times Z_T = 10.000 \times 100 = 1.000.000</math></p> <p><math>Q_1 \times Z_1 = 15.000 \times 150 = 2.250.000</math></p> <p><math>Q_1 \times Z_T = 15.000 \times 100 = 1.500.000</math></p> <p><math>Q_1 \times Z_0 = 15.000 \times 120 = 1.800.000</math></p> <p><math>M_0 = \Sigma Q_0 Z_0 - \Sigma Q_0 Z_T</math></p> <p><math>M_0 = 1.200.000 - 1.000.000 = 200.000</math></p> <p><math>M_1 = \Sigma Q_1 Z_1 - \Sigma Q_1 Z_T</math></p> <p><math>M_1 = 2.250.000 - 1.500.000 = 750.000</math></p> | 1           |
|     |      | <p>+ Tỷ lệ hạ giá thành KH: <math>T_0 = M_0 / \Sigma Q_0 Z_T \times 100</math></p> <p><math>T_0 = (200.000 / 1.000.000) \times 100 = 20\%</math></p> <p>+ Tỷ lệ hạ giá thành TT: <math>T_1 = M_0 / \Sigma Q_1 Z_T \times 100</math></p> <p><math>T_1 = (750.000 / 1.500.000) \times 100 = 50\%</math></p>  | 0,5         |
|     |      | <p>- Xác định đối tượng phân tích</p> <p><math>\Delta T = T_1 - T_0 = 50\% - 20\% = 30\%</math></p>  | 0,25        |
|     |      | <p>- Xác định các nhân tố ảnh hưởng</p> <p>+ Do ảnh hưởng nhân tố số lượng sản phẩm (<math>T_q</math>): Khối lượng sản phẩm sản xuất biến đổi không ảnh hưởng đến tỷ lệ hạ. (<math>T_q = 0</math>)</p>   | 0,75        |
|     |      | <p>+ Do ảnh hưởng nhân tố kết cấu mặt hàng (<math>T_c</math>)</p> $T_c = \frac{M_c}{\Sigma Q_1 Z_T}$ <p><math>M_c = (\Sigma Q_1 Z_0 - \Sigma Q_1 Z_T) - (M_0 \times T)</math></p> <p><math>M_c = 1.800.000 - 1.500.000 - (200.000 \times 1,5) = 0</math></p> <p><math>T_c = 0</math></p>   | 0,75        |
|     |      | <p>+ Do ảnh hưởng nhân tố giá thành đơn vị (<math>T_z</math>)</p> <p><math>T_z = M_z / \Sigma Q_1 Z_T</math></p> <p><math>M_z = \Sigma Q_1 Z_1 - \Sigma Q_1 Z_0</math></p> <p><math>M_z = 2.250.000 - 1.800.000 = 450.000</math></p> <p><math>T_z = 450.000.000 / 1.500.000.000 = 30\%</math></p>  | 0,5         |

| Câu | Phân | Nội dung  | Điểm        |
|-----|------|---|-------------|
|     |      | - Tổng hợp các nhân tố<br>$30\% = 0 + 0 + 30\%$   | 0,25        |
|     |      | - Nhận xét: Tỷ lệ hạ giá thành của toàn bộ sản phẩm tăng 30% là do 3 yếu tố ảnh hưởng:<br>+ Yếu tố 1: Không khảo sát.<br>+ Kết cấu sản phẩm không thay đổi làm cho tỷ lệ hạ giá thành của toàn bộ sản phẩm bằng 0.<br>+ Giá thành đơn vị SP thay đổi làm cho tỷ lệ hạ GT tăng thêm 30%. | 0,5         |
|     |      | <b>Tổng cộng</b>  | <b>4.5đ</b> |